

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI

Mẫu số 12/ĐK
CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **1469** /PCTT-VPĐK-ĐK

TP.HCM, ngày **30** tháng **10** năm 2024

**PHIẾU CHUYỂN THÔNG TIN
ĐỂ XÁC ĐỊNH NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI
CỦA 19 HỒ SƠ DỰ ÁN CHUNG CƯ Y1, P.THẠNH MỸ LỢI, TP.THỦ ĐỨC**

Kính gửi: Chi cục Thuế Thành phố Thủ Đức.

I. THÔNG TIN VỀ HỒ SƠ THỦ TỤC ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI 1.1. Mã hồ sơ: <i>Theo danh sách đính kèm 19 hồ sơ.</i> 1.2. Ngày nhận hồ sơ:.
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT, CHỦ SỞ HỮU TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT: <i>Theo danh sách đính kèm 19 hồ sơ.</i> 2.1. Tên..... 2.2. Địa chỉ: 2.3. Số điện thoại liên hệ:..... Email (nếu có):..... 2.4. Mã số thuế (nếu có):..... 2.5. Giấy tờ nhân thân/pháp nhân: Số.....; ngày cấp:..... nơi cấp... .. 2.6. Loại thủ tục cần xác định nghĩa vụ tài chính: Cấp Giấy chứng nhận cho người mua nhà trong dự án phát triển nhà ở.
III. THÔNG TIN VỀ ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT 3.1. Thông tin về đất 3.1.1. Thửa đất số: 69; Tờ bản đồ số: 9; 3.1.2. Địa chỉ tại: Khu chung cư cao tầng kết hợp thương mại, dịch vụ Y1, Số 1 Phan Văn Đáng, phường Thạnh Mỹ Lợi, Tp.Thủ Đức. 3.1.3. Vị trí theo Bảng giá đất: - Đường/đoạn đường/khu vực: Phan Văn Đáng (Đoạn từ Đồng Văn Cống đến Trương Văn Bang). - Vị trí thửa đất: Vị trí: 1.

- Chiều sâu của thửa đất (nếu có):.

- Chiều rộng của ngõ/hẻm (nếu có):.....m.

3.1.4 Diện tích thửa đất: 26.319,1m²

- Diện tích sử dụng chung: 26.319,1m²

- Diện tích sử dụng riêng:m²

- Diện tích phải nộp tiền sử dụng đất/tiền thuê đất:.....m²

- Diện tích không phải nộp tiền sử dụng đất (tiền thuê đất):.....m²

- Diện tích đất trong hạn mức:.....m²

- Diện tích đất ngoài hạn mức:.....m²

3.1.5. Nguồn gốc sử dụng đất:

3.1.6. Mục đích sử dụng đất: Đất ở tại đô thị.

3.1.7. Thời hạn sử dụng đất:

- Ổn định lâu dài ☒

- Có thời hạn:.....năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../.....

- Gia hạn..... năm. Từ ngày/...../..... đến ngày:...../...../.....

3.1.8. Thời điểm bắt đầu sử dụng đất từ ngày:...../...../.....;

3.1.9. Giá đất:.....

3.1.10. Giấy tờ về quyền sử dụng đất: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T 00090/1a ngày 19 tháng 10 năm 2009 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp.

3.2. Thông tin về tài sản gắn liền với đất: **Theo danh sách đính kèm 19 hồ sơ.**

3.2.1. Loại nhà ở, công trình:; cấp hạng nhà ở, công trình:.....;

3.2.2. Diện tích xây dựng: m²;

3.2.3. Diện tích sàn xây dựng: m²/diện tích sử dụng: m²;

3.2.4. Diện tích sở hữu chung; Diện tích sở hữu riêng:.....m²;

3.2.5. Số tầng:

+ Tháp A, B, C: 35 tầng (không kể tầng kỹ thuật) + 0 hầm.

+ Tháp D: 30 tầng (không kể tầng kỹ thuật) + 0 hầm.

3.2.6. Nguồn gốc:.....

3.2.7. Thời hạn sở hữu đến: năm.

Kết cấu: Tường gạch, khung cột BTCT, sàn BTCT, mái BTCT.

Năm hoàn thành công trình đưa vào sử dụng: năm 2020.

IV. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU GHI NỢ NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH

- Tiền sử dụng đất:.....

- Lệ phí trước bạ:.....

V. NHỮNG GIẤY TỜ KÈM THEO DO NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT NỘP

Đính kèm 19 hồ sơ của người mua đề nghị cấp Giấy chứng nhận gồm:

- + Hợp đồng mua bán, văn bản chuyển nhượng.
- + Biên bản bàn giao nhà.
- + Bản vẽ sơ đồ căn hộ.
- + Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

Nơi nhận: ✓

- Như trên;
- Giám đốc Sở (để b/c);
- Văn phòng Sở (để đăng tin);
- Công ty TNHH ĐT Capitaland Thiên Đức;
- Lưu: VT, ĐK(HS), Ngọc.

HS: 2318/2024.mgy

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Thành Phương

DANH SÁCH 19 CĂN HỘ ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
THUỘC DỰ ÁN CHUNG CƯ Y1, PHƯỜNG THANH MỸ LỢI, TP. THỦ ĐỨC
(Đính kèm Phiếu chuyển số/PC-VPDK-DK ngày 30/10/2024 của Văn phòng DKDD TP)

STT	Biên nhận	Họ và tên khách hàng	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn hộ theo Quyết định cấp sổ nhà	Diện tích sàn sử dụng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)
1	792711212024002318	Bà: NGUYỄN THANH LAN Năm sinh: 1988; CCCD số: 079188019147 Địa chỉ thường trú: 111C Ngô Quyền, Phường 6, Quận 10, Tp. HCM.	A,08.04	Căn hộ số 08.04, Tầng 8,9, Tháp A	118.6	127.1
2	792711212024002319	Ông: NGUYỄN TRUNG NGHĨA Năm sinh: 1995; CCCD số: 044095007713 Địa chỉ thường trú: Thôn 4, xã Biển Hồ, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Bà: NGUYỄN THỊ TÚ ANH Năm sinh: 1991; CCCD số: 056191010556 Địa chỉ thường trú: 55 Nguyễn Trãi, phường Phước Tiến, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.	A,10.06	Căn hộ số 10.06, Tầng 10,11, Tháp A	118.6	127.1
3	792711212024002320	Ông: NGUYỄN ĐỨC THẮNG Năm sinh: 1969; CCCD số: 040069003160 Địa chỉ thường trú: Khối 6, phường Nghi Tân, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An. Bà: LÊ THỊ YÊN Năm sinh: 1971; CCCD số: 040171003392 Địa chỉ thường trú: Khối 6, phường Nghi Tân, thị xã Cửa Lò, tỉnh Nghệ An.	A,22.08	Căn hộ số 22.08, Tầng 22, Tháp A	163.7	177.4
4	792711212024002321	Ông: NGUYỄN MẠNH HÙNG Năm sinh: 1979; CCCD số: 040079000654 Địa chỉ thường trú: C2,15.03 Chung cư Imperia, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Tp. HCM. Bà: TÔN THANH THÚY Năm sinh: 1982; CCCD số: 074182012353 Địa chỉ thường trú: C2,15.03 Chung cư Imperia, phường An Phú, thành phố Thủ Đức, Tp. HCM.	A,23.07	Căn hộ số 23.07, Tầng 23, Tháp A	163.7	177.4
5	792711212024002322	Ông: LÊ VĂN HẢI Năm sinh: 1983; CCCD số: 035083006762 Địa chỉ thường trú: 12A07 Toà B Chung cư Sông Nhuệ, phường Kiền Hưng, quận Hà Đông, Tp. Hà Nội. Bà: NGUYỄN THỊ THANH HIỀN Năm sinh: 1987; CCCD số: 019187000938 Địa chỉ thường trú: 12A07 Toà B Chung cư Sông Nhuệ, phường Kiền Hưng, quận Hà Đông, Tp. Hà Nội.	A,25.07	Căn hộ số 25.07, Tầng 25, Tháp A	163.7	177.4
6	792711212024002323	Ông: NGUYỄN DUY KHANG Năm sinh: 1993; CCCD số: 056093007604 Địa chỉ thường trú: 59/9 Nguyễn Hồng Đào, Phường 14, quận Tân Bình, Tp. HCM.	B,28.12	Căn hộ số 28.12, Tầng 28,29, Tháp B	90.2	99.8
7	792711212024002324	Ông: BUN VY Năm sinh: 1968; Quốc tịch: Campuchia; Hộ chiếu số: N00181407; Ngày cấp: 29/4/2015; Nơi cấp: Campuchia. Bà: NGÔ BÍCH HUYỀN Năm sinh: 1970; CCCD số: 001170022920 Địa chỉ thường trú: 199/8B Hoàng Văn Thụ, Phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. HCM.	B,28.13	Căn hộ số 28.13, Tầng 28,29, Tháp B	90.2	99.8
8	792711212024002325	Ông: HUỖNH NHẬT HÙNG Năm sinh: 1992; CCCD số: 052092013165 Địa chỉ thường trú: Trà Quang Bắc, thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định. Bà: LÊ PHƯƠNG LINH Năm sinh: 1993; CCCD số: 075193020639 Địa chỉ thường trú: 90 Nhị Hoà, phường Hiệp Hoà, thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai.	B,30.12	Căn hộ số 30.12, Tầng 30,31, Tháp B	90.2	99.8
9	792711212024002326	Ông: NGUYỄN HỮU LỘC Năm sinh: 1994; CCCD số: 079094014778 Địa chỉ thường trú: 111C Ngô Quyền, Phường 6, Quận 10, Tp. HCM.	B,31.10	Căn hộ số 31.10, Tầng 31, Tháp B	95.9	105.0
10	792711212024002327	Ông: NGUYỄN QUANG HUY Năm sinh: 1991; CCCD số: 036091001173 Địa chỉ thường trú: 24 ngõ Toàn Thắng, phường Thổ Quan, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội. Bà: NGUYỄN THỊ LAN Năm sinh: 1988; CCCD số: 024188005813 Địa chỉ thường trú: Thôn Bắc Am, xã Tư Mại, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang.	B,32.02	Căn hộ số 32.02, Tầng 32,33, Tháp B	90.2	99.8
11	792711212024002328	Ông: MAI PHAN HỮU QUYÊN Năm sinh: 1982; CCCD số: 052082003290 Địa chỉ thường trú: 24 Nguyễn Du, phường Lê Lợi, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.	B,32.08	Căn hộ số 32.08, Tầng 32,33, Tháp B	90.2	99.8

STT	Biên nhận	Họ và tên khách hàng	Mã căn hộ kinh doanh	Mã căn hộ theo Quyết định cấp số nhà	Diện tích sàn sử dụng (m2)	Diện tích sàn xây dựng (m2)
12	792711212024002329	Ông: TRƯƠNG ANH DŨNG Năm sinh: 1965; CCCD số: 072065007259 Địa chỉ thường trú: Ấp Bến Đình, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Bà: LÊ THỊ KIM TRUYỀN Năm sinh: 1970; CCCD số: 072170011611 Địa chỉ thường trú: Ấp Bến Đình, xã Thạnh Đức, huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.	B,32.09	Căn hộ số 32.09, Tầng 32,33, Tháp B	90.2	99.8
13	792711212024002330	Ông: NGUYỄN VĂN PHA Năm sinh: 1959; CCCD số: 033059003052 Địa chỉ thường trú: Tổ 22 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Tp. Hà Nội. Bà: PHẠM NGỌC THÚY Năm sinh: 1971; CCCD số: 024171000345 Địa chỉ thường trú: Số 1/200/28 Tổ 22 Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, Tp. Hà Nội.	C,29.06	Căn hộ số 29.06, Tầng 29, Tháp C	96.1	103.4
14	792711212024002331	Ông: TRƯƠNG THẾ KIẾT Năm sinh: 1992; CCCD số: 068092005026 Địa chỉ thường trú: 78 Lam Sơn, phường Lộc Sơn, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng. Bà: TRIỆU KIM ANH Năm sinh: 1990; CCCD số: 068190011729 Địa chỉ thường trú: 59 Hà Giang, Phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.	C,30.07	Căn hộ số 30.07, Tầng 30, Tháp C	76.4	83.2
15	792711212024002332	Ông: NGUYỄN HOÀNG THÁI Năm sinh: 1997; CCCD số: 079097005463 Địa chỉ thường trú: 38/23 Hoàng Văn Thụ, Phường 9, quận Phú Nhuận, Tp. HCM.	C,31.01	Căn hộ số 31.01, Tầng 31, Tháp C	76.4	82.7
16	792711212024002333	Bà: ĐẶNG THỊ KIM NGÂN Năm sinh: 1983; CCCD số: 079183007063 Địa chỉ thường trú: Căn hộ T2.21.02 Tháp 2 - Khu chung cư cao tầng kết hợp thương mại Y2, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Tp. HCM.	D,20.05	Căn hộ số 20.05, Tầng 20, Tháp D	80.1	86.3
17	792711212024002334	Ông: HAN WOONGGYU Năm sinh: 1993; Quốc tịch: Hàn Quốc; Hộ chiếu số: M996P1197; Ngày cấp: 18/08/2022; Nơi cấp: Hàn Quốc. Bà: NGUYỄN THỊ KIM ANH Năm sinh: 1989; CCCD số: 079189013365 Địa chỉ thường trú: 52/3 Đường số 6, Khu phố 4, phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Tp.HCM.	D,24.08	Căn hộ số 24.08, Tầng 24, Tháp D	98.6	105.7
18	792711212024002335	Ông: TRƯƠNG DUY TOÀN DOMINIC Năm sinh: 1988; Quốc tịch: Canada; Hộ chiếu số: HL055523; Ngày cấp: 03/03/2016; Nơi cấp: Canada. Bà: TRẦN THỊ MAI ANH Năm sinh: 1990; CCCD số: 036190006831 Địa chỉ thường trú: Căn hộ D,26.09 chung cư Feliz en Vista, số 01 Phan Văn Đáng, Khu phố 4, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, Tp. HCM.	D,26.09	Căn hộ số 26.09, Tầng 26, Tháp D	80.4	86.3
19	792711212024002336	Bà: LÊ THỊ MỘT Năm sinh: 1956; CCCD số: 079156020023 Địa chỉ thường trú: 24/35 Thủ Khoa Huân, phường Bến Thành, Quận 1, Tp. HCM.	D,27.06	Căn hộ số 27.06, Tầng 27, Tháp D	80.1	86.3

mp